

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

LUƠNG THÚY HÀ

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TÓ
CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP HUYỆN
TRONG CÁI CÁCH TƯ PHÁP Ở NƯỚC TA

Chuyên ngành : Luật hình sự

Mã số : 60 38 40

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2012

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: TS. Trịnh Quốc Toản

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2012.

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang			
<i>Trang phụ bìa</i>			
<i>Lời cam đoan</i>			
<i>Mục lục</i>			
<i>Danh mục các từ viết tắt</i>			
MỞ ĐẦU	1		
Ch- ong 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN	6		
1.1. Khái niệm và vai trò của hoạt động thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân	6		
1.1.1. Khái niệm quyền công tố và thực hành quyền công tố	6		
1.1.2. Vai trò và ý nghĩa của hoạt động thực hành quyền công tố	16		
1.1.3. Mối quan hệ giữa thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động t- pháp	19		
1.2. Khái quát lịch sử pháp luật quy định về hoạt động thực hành quyền công tố ở Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến tr- óc khi ban hành Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003	23		
1.3. Nhữngh quy định của pháp luật về thực hành quyền công tố ở một số n- óc	30		
1.3.1. Một số quốc gia theo hệ thống án lệ	31		
1.3.2. Một số quốc gia theo hệ thống pháp luật châu Âu lục địa	33		
1.3.3. Một số quốc gia khu vực châu Á- Thái Bình D- ơng	36		
Ch- ong 2: NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP HUYỆN VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	44		
2.1. Nhữngh quy định của pháp luật tố tụng hình sự về thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân	44		
2.1.1. Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi)	44		
2.1.2. Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002	45		
2.1.3. Pháp lệnh Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân năm 2002	49		
2.1.4. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003	49		
2.1.5. Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự năm 2004	62		
2.1.6. Một số - u điểm và tồn tại, hạn chế của pháp luật thực hành quyền công tố ở Việt Nam hiện nay	64		
2.2. Thực tiễn áp dụng nhữngh quy định của pháp luật tố tụng hình sự về thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội	65		
2.2.1. Vài nét về tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện thành phố Hà Nội	65		
2.2.2. Thực tiễn áp dụng nhữngh quy định của pháp luật tố tụng hình sự về thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội	67		
2.3. Nhữngh tồn tại, hạn chế của hoạt động thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện và nhữngh nguyên nhân của nó	76		
Ch- ong 3: NHỮNG QUAN ĐIỂM, PH- ƠNG H- ƠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT L- ỌNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP HUYỆN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CẢI CÁCH T- PHÁP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	84		
3.1. Nhữngh quan điểm cơ bản nâng cao chất l- ọng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện	84		
3.2. Nhữngh ph- ơng h- ơng nâng cao chất l- ọng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện đáp ứng yêu cầu cải cách t- pháp	89		
3.2.1. Đổi mới và nâng cao chất l- ọng của bộ máy tổ chức cán bộ và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện	89		
3.2.2. Quán triệt và nắm vững các đ- ờng lối chính sách và yêu cầu đổi mới trong thực hành quyền công tố, nâng cao ý thức chính trị, phẩm chất đạo đức và trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, kiểm sát viên cấp huyện	92		
3.2.3. Nâng cao trách nhiệm và năng lực thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện	94		
3.2.4. Đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, phân định trách nhiệm trong công tác thực hành quyền công tố	98		
3.2.5. Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng cấp huyện	102		
3.2.6. Tăng c- ờng sự phối hợp giữa Viện kiểm sát cấp huyện với các phòng ban, đơn vị khác trong công tác đấu tranh phòng, chống vi phạm và tội phạm	103		
3.2.7. Hoàn thiện hệ thống pháp luật - cơ sở pháp lý của hoạt động thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát và tăng c- ờng công tác giải thích, h- ơng dẫn luật	105		
3.2.8. Tăng c- ờng sự lãnh đạo của Đảng - nhân tố quyết định sự thành công của công cuộc cải cách t- pháp	108		
3.2.9. Tăng c- ờng cơ sở vật chất và ph- ơng tiện làm việc cho Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện và hoàn thiện chế độ chính sách đối ngô đối với cán bộ, Kiểm sát viên cấp huyện	109		
3.3. Một số kiến nghị nhằm nâng cao chất l- ọng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện	112		
KẾT LUẬN	117		
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	118		

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong hệ thống các cơ quan cấu thành bộ máy nhà nước, Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) đóng một vai trò rất quan trọng trong việc duy trì trật tự pháp luật, bảo vệ chế độ. Xác định đợt tinh quan trọng của hệ thống cơ quan này, thời gian qua, cùng với việc đổi mới toàn diện đất nước, Đảng ta đã chủ trương đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống cơ quan t- pháp trong đó có VKSND. Đây là một chủ trương lớn và đúng đắn của Đảng đợt thể hiện trong nhiều văn kiện: Chỉ thị 53-CT/TW ngày 21/3/2000 *Về một số công việc cấp bách của các cơ quan t- pháp cần thực hiện trong năm 2000*, Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 *Về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác t- pháp trong thời gian tới* và Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 *Về chiến lược cải cách t- pháp đến năm 2020* mà mục tiêu là "xây dựng một nền t- pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa...", trong đó có yêu cầu nâng cao chất lượng hoạt động và đề cao trách nhiệm của các cơ quan và cán bộ t- pháp.

Tuy nhiên, trong thực tế hiện nay, công tác t- pháp vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế cần đợt nghiên cứu làm rõ và tìm ra cách khắc phục nguyên nhân nhằm đẩy mạnh tiến trình cải cách t- pháp, đáp ứng yêu cầu và đòi hỏi của công cuộc đổi mới. Theo quy định tại Điều 137 Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi) của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều 1 Luật tổ chức VKSND năm 2002 quy định: *Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động t- pháp theo quy định của Hiến pháp và pháp luật*. Việc thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động t- pháp của VKSND là một dạng thực hành quyền lực nhà nước trong lĩnh vực t- pháp. Không có cá nhân, cơ quan nhà nước nào có thể thay thế VKSND trong việc truy tố kẻ phạm tội ra trước Toà, trong việc thực hiện quyền kiểm sát hoạt động điều tra, kiểm sát hoạt động xét xử... Đây là một chức năng mà VKSND đã đảm đương từ nhiều năm, nhưng cho đến nay vẫn còn nhiều vướng mắc, chưa đạt đợt sự thống nhất cao trên cả phương diện lý luận và thực tiễn. Đây là một trong

những nguyên nhân làm ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả việc thực hiện chức năng của VKSND. Do đó, nghiên cứu làm sáng tỏ các vấn đề trên không chỉ có giá trị về mặt lý luận mà còn có ý nghĩa thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả của công tác t- pháp nói chung, công tác kiểm sát nói riêng, hoàn thành nhiệm vụ Đảng và Nhà nước giao phó, đáp ứng với yêu cầu cải cách t- pháp.

Để góp phần vào việc cải cách t- pháp, nâng cao chất lượng hoạt động của VKSND, đồng thời làm sáng tỏ hơn một số vấn đề lý luận và thực tiễn thông qua hoạt động của VKSND ở cấp huyện, đề xuất một số giải pháp để nâng cao chất lượng của hoạt động này, tác giả chọn đề tài "*Nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện trong cải cách t- pháp ở nước ta*" làm luận văn thạc sĩ Luật học.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động t- pháp là các chức năng hiến định của VKSND. Để thực hiện các chức năng nhiệm vụ đặt ra cho VKSND, pháp luật đã quy định cụ thể thẩm quyền của VKSND các cấp trong từng giai đoạn để thực hiện chức năng hiến định này. Các quy định về thẩm quyền của VKSND các cấp không nằm trong một bộ luật cụ thể mà đợt thể hiện xuyên suốt trong hệ thống pháp luật, nhằm mục đích tạo điều kiện cho VKSND thực hiện chức năng, nhiệm vụ ở từng mối quan hệ pháp luật trong từng giai đoạn tố tụng khác nhau. Từ trước đến nay, đã có nhiều bài viết của nhiều tác giả với các ý kiến và quan điểm khác nhau về vấn đề này đã đợt công bố. Đáng chú ý là các công trình sau:

- "*Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động t- pháp trong giai đoạn điều tra*", của Lê Hữu Thể (chủ biên), Nhà xuất bản T- pháp, 2005.
- Luận án tiến sĩ Luật học "*Quyền công tố ở Việt Nam*", của Lê Thị Tuyết Hoa, 2002.
- Luận văn thạc sĩ Luật học: "*Nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh*", của Trần Văn Nam, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2004.
- Luận văn thạc sĩ Luật học: "*Chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự theo yêu cầu cải cách t- pháp của Viện*

kiểm sát nhân dân cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội", của Hà Thị Minh Hạnh, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, 2007.

- Luận văn thạc sĩ Luật học: "*Tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân*", của Phan Thị Thuý Lan, Học viện Hành chính quốc gia, 2007.

- Đề tài khoa học cấp Nhà nước: "*Cải cách hệ thống t- pháp Việt Nam*", của Bộ T- pháp, 2005.

Ngoài ra, còn có các bài viết của nhiều tác giả khác đã đ- ợc đăng trên các báo và tạp chí chuyên ngành, các báo cáo tổng kết công tác, các văn bản h- ống dẫn nghiệp vụ, các chuyên đề của VKSNDTC qua các năm, các đề tài khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ...

Các công trình nghiên cứu, bài viết tr- ớc đây chỉ đề cập đến tình hình cải cách hệ thống t- pháp nói chung hoặc đi sâu vào từng vấn đề nghiệp vụ chuyên ngành mà ch- a tổng hợp nghiên cứu những căn cứ pháp lý, chức năng nhiệm vụ của toàn bộ quá trình tố tụng từ khi có dấu hiệu tội phạm đến khi xét xử xong, để từ đó phát hiện và kiến nghị đổi mới theo tinh thần của Nghị quyết số 08-NQ/TW và Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến l- ợc cải cách t- pháp đến năm 2020. Vì vậy, việc nghiên cứu "*Nâng cao chất l- ợng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện trong cải cách t- pháp ở n- ớc ta*" nhằm phát hiện những khó khăn, v- ống mắc, hạn chế, bất cập, đ- a ra những giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của VKSND, đặc biệt đối với VKSND cấp huyện là vấn đề cần thiết và cấp bách trong quá trình cải cách t- pháp ở n- ớc ta hiện nay.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích

Luận văn tập trung nghiên cứu và góp phần làm sáng tỏ hơn một số vấn đề lý luận chức năng của VKSND, thực trạng hoạt động thực hành quyền công tố ở VKSND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội. Trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất l- ợng của công tác này theo yêu cầu của cải cách t- pháp.

3.2. Nhiệm vụ

Luận văn tập trung làm rõ một số vấn đề lý luận về quyền công tố, thực hành quyền công tố, hoạt động t- pháp, kiểm sát các hoạt động t- pháp của

VKSND, mối quan hệ giữa thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động t- pháp. Những quy định của pháp luật thực định về thực hành quyền công tố, thực trạng áp dụng những quy định đó trong hoạt động thực hành quyền công tố ở VKSND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội trong những năm gần đây. Trên cơ sở đó, đánh giá chất l- ợng của công tác này, những kết quả đã đạt đ- ợc, những vấn đề thiếu sót, tồn tại và làm rõ nguyên nhân của chúng, đồng thời đề xuất một số giải pháp khắc phục.

4. Đối t- ợng và phạm vi nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu các vấn đề lý luận về quyền công tố, chất l- ợng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động t- pháp, thực tiễn hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động t- pháp của VKSND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm 2005 đến 2010.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, t- t- ống Hồ Chí Minh về Nhà n- ớc và pháp luật, các quan điểm và t- t- ống chỉ đạo của Đảng cộng sản Việt Nam về đổi mới toàn diện đất n- ớc nói chung, về cải cách t- pháp nói riêng, chính sách pháp luật Đảng và Nhà n- ớc ta trong tố tụng hình sự, luận văn sử dụng các ph- ơng pháp: phân tích và tổng hợp, thống kê và so sánh, kết hợp lý luận và khảo sát thực tiễn,...

6. Những đóng góp mới của luận văn

Luận văn góp phần nghiên cứu làm rõ một số vấn đề lý luận có liên quan đến thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động t- pháp của VKSND cấp huyện, thực tiễn của chất l- ợng thực hành quyền công tố của VKSND cấp huyện trên một địa bàn có vị trí quan trọng về nhiều mặt là Thủ đô Hà Nội, đánh giá các kết quả cũng nh- các thiếu sót, tồn tại và đề ra các giải pháp khắc phục nhằm nâng cao chất l- ợng của việc thực hiện chức năng này của VKSND cấp huyện.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn bao gồm 3 ch- ơng:

Ch- ơng 1: Những vấn đề chung về thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân

Ch- ơng 2: Những quy định của pháp luật tố tụng hình sự về thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện và thực tiễn áp dụng ở Việt Nam hiện nay.

Ch- ơng 3: Những quan điểm, ph- ơng h- ống và giải pháp nâng cao chất l- ợng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện đáp ứng yêu cầu cải cách t- pháp ở Việt Nam hiện nay.

Ch- ơng I

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

1.1. Khái niệm và vai trò của hoạt động thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân

1.1.1. Khái niệm quyền công tố và thực hành quyền công tố

1.1.1.1. Quyền công tố

a) Khái niệm quyền công tố

Qua phân tích tác giả luận văn đ- a ra khái niệm: *Quyền công tố ở Việt Nam là quyền của Nhà n- ớc giao cho VKSND thực hiện các quyền năng theo quy định của pháp luật nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ng- ời phạm tội.*

b) Đối t- ợng, nội dung, phạm vi của quyền công tố

* *Đối t- ợng của quyền công tố:* Đối t- ợng của quyền công tố là tội phạm và ng- ời phạm tội.

* *Nội dung của quyền công tố:* Nội dung của quyền công tố là sự buộc tội nhân danh Nhà n- ớc đối với ng- ời đã thực hiện tội phạm.

* *Phạm vi của quyền công tố:* Quyền công tố là quyền truy tố và buộc tội của Viện kiểm sát (VKS) nhân danh Nhà n- ớc.

1.1.1.2. Thực hành quyền công tố

Thực hành quyền công tố là việc Nhà n- ớc tổ chức và giao cho cơ quan đại diện của mình (VKS) các quyền năng pháp lý để thực hiện trong tất cả

giai đoạn của TTHS từ điều tra, truy tố đến xét xử nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ng- ời có hành vi phạm tội và áp dụng đối với họ các chế tài hình sự cần thiết.

1.1.2. Vai trò và ý nghĩa của hoạt động thực hành quyền công tố

Theo các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) và Luật tổ chức VKSND năm 2002 thì "Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố trong tất cả các giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử bằng các biện pháp theo quy định của pháp luật".

Trong giai đoạn điều tra: bao gồm các b- ớc sau:

- Khởi tố vụ án, khởi tố bị can
- Đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu cơ quan điều tra tiến hành điều tra, trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra.
- Yêu cầu Thủ tr- ưởng Cơ quan điều tra thay đổi Điều tra viên theo quy định của BLTTHS, nếu hành vi có dấu hiệu tội phạm thì khởi tố hình sự.
- Quyết định áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam và các biện pháp ngăn chặn khác.
- Quyết định việc truy tố bị can, tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra vụ án, bị can.

Trong giai đoạn xét xử:

Các quyền năng của VKS khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử bao gồm:

- Duy trì quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm bằng các hoạt động nh- : công bố bản cáo trạng hoặc quyết định của VKS liên quan đến việc giải quyết vụ án tại phiên tòa; luận tội đề nghị kết tội bị cáo; rút một phần hoặc toàn bộ cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo không phạm tội; tham gia thẩm vấn bị cáo và những ng- ời tham gia tố tụng khác nh- ng- ời bị hại, người liên quan, nhân chứng,...; tranh luận với luật sư và những người tham gia tố tụng để làm rõ thêm các tình tiết có liên quan đến vụ án và các chứng cứ thu thập đ- ợc trong quá trình điều tra cũng nh- tại phiên toà, nhằm làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án. Thực chất, đây chính là các hoạt động bảo vệ quyết định truy tố nhằm buộc tội bị cáo, làm cơ sở để cho bản luận tội vừa có căn cứ pháp luật, vừa phù hợp với các tình tiết thu thập đ- ợc qua quá

trình điều tra và diễn biến của việc điều tra công khai tại phiên tòa, vừa có tính thuyết phục, giáo dục, phòng ngừa tội phạm, đảm bảo việc truy tố đúng ng- ời, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và ng- ời phạm tội.

- Phát biểu quan điểm của VKS về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm; kháng nghị các bản án, quyết định của Toà án.

Tóm lại, tất cả các vấn đề mà VKS có quyền quyết định trong các giai đoạn khác nhau của TTHS nh- trên cho thấy thực hành quyền công tố có một vai trò và ý nghĩa rất quan trọng.

1.1.3. Mối quan hệ giữa thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động t- pháp

1.1.3.1. Kiểm sát các hoạt động t- pháp

a) Hoạt động t- pháp

Hoạt động t- pháp là hoạt động của các cơ quan t- pháp trong quá trình tố tụng nhằm giải quyết các vụ án hình sự và các vụ tranh chấp một cách có căn cứ, đúng pháp luật, bảo vệ lợi ích của Nhà n- ớc, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.

b) Kiểm sát các hoạt động t- pháp

Kiểm sát các hoạt động t- pháp là một trong hai chức năng hiến định của VKSND.

Mục đích của kiểm sát các hoạt động t- pháp trong lĩnh vực hình sự là nhằm đảm bảo các hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử đúng pháp luật, đúng ng- ời, đúng tội, không để xảy ra việc oan, sai hay bỏ lọt tội phạm.

Đối t- ợng của kiểm sát các hoạt động t- pháp là việc tuân thủ pháp luật của các cơ quan t- pháp và các đối t- ợng tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết các vụ án và các tranh chấp khác.

Phạm vi của kiểm sát các hoạt động t- pháp:

- Phạm vi không gian của kiểm sát các hoạt động t- pháp chỉ giới hạn trong phạm vi hoạt động của các cơ quan t- pháp. Đó là việc chấp hành pháp luật trong suốt quá trình giải quyết các vụ án hình sự và giải quyết các tranh chấp khác.

- Phạm vi về thời gian của kiểm sát các hoạt động t- pháp là từ khi cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án và đ- ơng sự khởi kiện cho đến khi thi hành xong bản án và các quyết định khác của Toà án.

1.1.3.2. Mối quan hệ giữa thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động t- pháp

Trong các giai đoạn thực hiện chức năng kiểm sát, VKS thực hiện đồng thời hai hoạt động: Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động t- pháp. Hai hoạt động này, nếu xem xét chúng d- ối góc độ độc lập, riêng lẻ thì chúng có mục đích khác nhau. Mục đích của hoạt động thực hành quyền công tố nhằm truy tố, buộc tội ng- ời có hành vi phạm tội ra tr- ớc Toà án theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm không để lọt kẻ phạm tội và làm oan ng- ời vô tội. Mục đích kiểm sát hoạt động t- pháp nhằm bảo đảm việc chấp hành pháp luật của các cơ quan t- pháp đ- ợc thực hiện nghiêm chỉnh, thống nhất. Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động t- pháp có mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhau, chúng làm tiền đề, điều kiện của nhau.

Vì vậy, tác giả cho rằng xét cả về mặt lý luận cũng nh- thực tiễn thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động t- pháp là những khái niệm có nội hàm khác nhau, nh- ng các hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động t- pháp có mối quan hệ mật thiết với nhau. Nó luôn có tác động qua lại, hỗ trợ và làm tiền đề cho nhau. Nếu làm tốt chức năng kiểm sát các hoạt động t- pháp sẽ tạo cơ sở thuận lợi cho chức năng thực hành quyền công tố và ng- ợc lại.

1.2. Khái quát lịch sử pháp luật quy định về hoạt động thực hành quyền công tố ở Việt Nam từ cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến tr- ớc khi ban hành Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003

Tác giả luận văn trình bày khái quát về hoạt động thực hành quyền công tố ở Việt Nam từ cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến tr- ớc khi ban hành bộ Luật tố tụng hình sự năm 2003.

Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật, BLTTHS năm 2003 đã thể hiện sâu sắc những t- t- ống mới về cải cách t- pháp hình sự. Đối với VKS, Bộ luật quy định cụ thể nh- sau: VKS thực hành quyền công tố trong

tố tụng hình sự, quyết định việc truy tố người phạm tội ra trước Toà án...; nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội đều phải được xử lý kịp thời, việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt người phạm tội, không làm oan người vô tội.

Nh- vậy, từ năm 1945, pháp luật về thực hành quyền công tố luôn phát triển không ngừng, dân hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội, góp phần giữ vững trật tự, kỷ c- ơng xã hội.

1.3. Những quy định của pháp luật về thực hành quyền công tố ở một số nước

Tác giả luận văn đã trình bày một vài nét cơ bản những quy định của Pháp luật về thực hành quyền công tố ở một số n- ớc:

1.3.1. Một số quốc gia theo hệ thống án lệ

Bao gồm: Vương quốc Anh và Hợp chúng quốc Hoa Kỳ

1.3.2. Một số quốc gia theo hệ thống pháp luật châu Âu lục địa

Bao gồm: Cộng hoà Pháp và Cộng hoà Liên bang Đức

1.3.3. Một số quốc gia khu vực châu Á- Thái Bình D- ơng

Bao gồm: Nhật Bản, Thái Lan, Hàn Quốc và Trung Quốc.

Ch- ơng 2

NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP HUYỆN VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1. Những quy định của pháp luật tố tụng hình sự về thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân

2.1.1. Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi)

Hiến pháp hiện hành đã quy định VKS có hai chức năng rất cụ thể là thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động t- pháp. Để đảm bảo cho VKS thực hiện tốt chức năng của mình, Hiến pháp quy định nguyên tắc hoạt động tập trung thống nhất; hệ thống cơ quan VKS đ- ợc tổ chức từ trung - ơng

đến địa ph- ơng, Viện tr- ơng cấp dưới chịu sự lãnh đạo của Viện tr- ơng cấp trên, Viện tr- ơng VKSNDTC do Quốc hội bầu và chịu sự giám sát của Quốc hội.

2.1.2. Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002

Trên cơ sở các nguyên tắc, nội dung cơ bản của Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi), Luật tổ chức VKSND năm 2002 đã cụ thể hoá chức năng, nhiệm vụ, tổ chức, hoạt động của VKSND. Luật tổ chức VKSND hiện hành có 11 ch- ơng, 50 điều.

2.1.3. Pháp lệnh Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân năm 2002

Năm 2002, Ủy ban Th- ờng vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh Kiểm sát viên, gồm 5 ch- ơng, 34 điều.

- Ch- ơng I. Những quy định chung, gồm 11 điều (từ Điều 1 đến Điều 11)
- Ch- ơng II. Quy định nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Kiểm sát viên, gồm 6 điều (từ Điều 12 đến Điều 17)
- Ch- ơng III. Quy định tiêu chuẩn, thủ tục tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Kiểm sát viên, gồm 13 điều (từ Điều 18 đến Điều 30)
- Ch- ơng IV. Quy định chế độ đối với Kiểm sát viên, gồm 2 điều (Điều 31, 32).
- Ch- ơng V. Điều khoản thi hành, gồm 2 điều (Điều 33, 34)

2.1.4. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003

BLTTHS năm 2003 đ- ợc Quốc hội khoá XI thông qua ngày 26/11/2003 tại kỳ họp thứ t- , có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2004. BLTTHS năm 2003 là sự kết tinh và thể hiện những t- ờng mới về cải cách t- pháp hình sự, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội, cũng nh- đáp ứng quá trình hội nhập quốc tế ở n- ớc ta hiện nay.

BLTTHS năm 2003 đ- ợc chia làm tám phần, gồm 37 ch- ơng với 346 điều.

Tác giả luận văn trình bày những nội dung cơ bản của BLTTHS quy định về thực hành quyền công tố, bao gồm:

- a. Về chức năng, nhiệm vụ chung của Viện kiểm sát và của Viện tr- ơng, Phó Viện tr- ơng, Kiểm sát viên trong tố tụng hình sự
- b. Về nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố

2.1.5. Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004

Năm 2002, Ủy ban Th-ờng vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004 gồm 7 ch-ơng, 38 điều. D-ối đây là những nội dung liên quan đến VKS và hoạt động thực hành quyền công tố của VKS:

- Về Cơ quan điều tra (Điều 1): Quy định Cơ quan điều tra của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân và VKSND. Theo đó, ở VKSNDTC có Cơ quan điều tra VKSNDTC và Cơ quan điều tra VKS quân sự trung - ơng.

- Về trách nhiệm của VKS trong hoạt động điều tra (Điều 6): VKS kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động điều tra nhằm bảo đảm hoạt động điều tra của Cơ quan điều tra, Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực l-ợng Cảnh sát biển, các cơ quan khác của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân đ-ợc giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khắc phục vi phạm pháp luật trong hoạt động điều tra; cấp, thu hồi giấy chứng nhận ng-ời bào chữa đối với những vụ án do Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực l-ợng Cảnh sát biển và cơ quan khác của Quân đội nhân dân đ-ợc giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thụ lý điều tra. Cơ quan điều tra, Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực l-ợng Cảnh sát biển và cơ quan khác của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân đ-ợc giao tiến hành một số hoạt động điều tra phải thực hiện những yêu cầu, quyết định của VKS theo quy định của BLTTHS.

- Về tổ chức và thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra của VKSNDTC (Điều 17,18): Tổ chức của Cơ quan điều tra của VKSNDTC gồm có các Phòng điều tra và bộ máy giúp việc Cơ quan điều tra. Tổ chức điều tra VKS quân sự trung - ơng gồm có bộ phận điều tra và bộ máy giúp việc Cơ quan điều tra.

- Về giải quyết tranh chấp về thẩm quyền điều tra (Điều 28): Viện tr-ởng VKSND cùng cấp nơi tội phạm xảy ra hoặc nơi phát hiện tội phạm

quyết định giải quyết tranh chấp về thẩm quyền điều tra giữa các Cơ quan điều tra. Tranh chấp về thẩm quyền điều tra giữa Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực l-ợng Cảnh sát biển thì Viện tr-ởng VKS có thẩm quyền nơi xảy ra vụ án quyết định.

2.1.6. Một số - u điểm và tồn tại, hạn chế của pháp luật thực hành quyền công tố ở Việt Nam hiện nay

a) Vê - u điểm

- Mặc dù hệ thống quy phạm pháp luật thực hành quyền công tố ch-đồng bộ, nh-ng b-ớc đầu đã tạo đ-ợc cơ sở pháp lý cho việc xác định phạm vi điều chỉnh, xác lập chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ và mối quan hệ của các chủ thể thực hành quyền công tố; đồng thời chỉ ra những nội dung pháp lý cơ bản của pháp luật thực hành quyền công tố.

- Hệ thống quy phạm pháp luật thực hành quyền công tố từng b-ớc phù hợp, phản ánh đúng yêu cầu thực tiễn và dần đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

- Pháp luật thực hành quyền công tố góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất l-ợng, hiệu quả cuộc đấu tranh chống tội phạm, là công cụ hữu hiệu bảo vệ lợi ích của Nhà n-ớc, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân...

b) Vê hạn chế

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thực hành quyền công tố thiếu tính đồng bộ, còn tản mạn; có cả văn bản d-ối luật điều chỉnh (Pháp lệnh Kiểm sát viên VKSND v.v...), vì vậy ảnh h-ởng không nhỏ đến hiệu quả áp dụng pháp luật của lĩnh vực này trong thực tiễn.

- Nội dung còn nặng về những quy định chung chung, thiếu các quy định chi tiết, cụ thể nên hiệu quả thấp.

- Hệ thống pháp luật thực hành quyền công tố còn thiếu những quy phạm bảo đảm cơ chế hoạt động công tố gắn kết với hoạt động điều tra, do vậy hoạt động của Cơ quan công tố thiếu thực quyền.

- Thẩm quyền hành chính và quyền hạn t- pháp quy định trong pháp luật thực hành quyền công tố bị đan xen, lấn lộn, không ràng mạch, làm giảm vai trò, tính chịu trách nhiệm của Kiểm sát viên cũng nh- các chức danh t- pháp khác.

- Quyền năng và trách nhiệm giữa các cơ quan tiến hành tố tụng và ng-ời tiến hành tố tụng ch- a rõ ràng, hợp lý, làm cho hoạt động chức năng của Cơ quan công tố nói riêng và các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung kém hiệu quả.

- Về vị trí, quyền hạn, trách nhiệm của Kiểm sát viên và những ng-ời tiến hành tố tụng khác tại phiên tòa cũng nh- trình tự thẩm vấn, tranh luận ch- a rõ ràng, cụ thể nên chất l-ợng tranh tụng yếu, làm giảm hiệu lực của Cơ quan công tố.

2.2. Thực tiễn áp dụng những quy định của pháp luật tố tụng hình sự về thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội

2.2.1. Vài nét về tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện thành phố Hà Nội

Theo quy định của Hiến pháp và pháp luật, VKSND là một trong bốn hệ thống cấu thành nên bộ máy nhà n-ớc. Là một cơ quan nhà n-ớc nên trong tổ chức và hoạt động của VKS hội tụ đầy đủ các nguyên tắc tổ chức và hoạt động nh- tất cả các cơ quan trong bộ máy nhà n-ớc khác: nguyên tắc Đảng lãnh đạo, nguyên tắc tập trung dân chủ... Bên cạnh đó, xuất phát từ các chức năng, nhiệm vụ riêng có của mình, VKSND còn có những nguyên tắc tổ chức và hoạt động riêng: nguyên tắc tập trung thống nhất, nguyên tắc độc lập không lệ thuộc vào bất cứ một cơ quan nhà n-ớc nào khác ở địa ph-ong. Cơ quan VKSND đ-ợc tổ chức từ Trung - ơng đến đơn vị hành chính cấp huyện gồm VKSNDTC, các VKSND cấp tỉnh, các VKSND cấp huyện và các VKS quân sự.

VKSND cấp huyện là cấp cuối cùng trong hệ thống cơ quan VKSND, đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong hệ thống VKSND bởi là cấp giải quyết phần lớn các vụ án mà VKS thụ lý và giải quyết. Hiện nay có 29 đơn vị VKSND cấp huyện đóng trên địa bàn thành phố Hà Nội. Trong đó có 10 quận (Hoàn Kiếm, Ba Đình, Đống Đa, Hai Bà Tr- ng, Cầu Giấy, Thanh Xuân, Hoàng Mai, Tây Hồ, Long Biên, Hà Đông), 01 thị xã (Sơn Tây) và 18

huyện (Thanh trì, Đông Anh, Gia Lâm, Sóc Sơn, Từ Liêm, Hoài Đức, Quốc Oai, Thanh Oai, Th- ờng Tín, Phú Xuyên, Phúc Thọ, Mê Linh, Ch- ơng Mỹ, Thạch Thất, Ba Vì, Đan Ph- ợng, Mỹ Đức, Ứng Hoà).

Tr- óc yêu cầu đặt ra đối với công tác kiểm sát, trong những năm qua, VKSND cấp huyện đã từng b- ớc đ- ợc củng cố, tăng c- ờng và ngày càng hoàn thiện về cơ cấu tổ chức. Về cơ bản, đã đáp ứng đ- ợc yêu cầu của việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Hiện nay, đa số các VKSND cấp huyện có cơ cấu lãnh đạo là Viện tr- ờng và 03 Phó viện tr- ờng. Việc phân công, chỉ đạo điều hành công việc tại các VKSND cấp huyện dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ kết hợp với nguyên tắc tập trung thống nhất trong sự lãnh đạo và điều hành của Viện tr- ờng. Viện tr- ờng phụ trách chung, các Phó viện tr- ờng giúp Viện tr- ờng phụ trách chỉ đạo các khâu công tác kiểm sát hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình, khiếu tố, văn phòng và thi hành án nhằm thực hiện chức năng, nhiệm vụ chung của ngành.

2.2.2. Thực tiễn áp dụng những quy định của pháp luật tố tụng hình sự về thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội

2.2.2.1. Khái quát tình hình thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện thành phố Hà Nội từ năm 2005 - 2011

D- ới sự chỉ đạo của VKSNDTC, của VKSND thành phố Hà Nội, các VKSND cấp huyện luôn bám sát và quán triệt đầy đủ tinh thần của các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà n-ớc, các yêu cầu nhiệm vụ và chỉ tiêu công tác của ngành đặt ra. Đồng thời, gắn việc thực hiện công tác chuyên môn với việc phục vụ tình hình chính trị địa ph-ong, hoàn thành tốt nhiệm vụ của ngành và phục vụ tốt tình hình chính trị trên địa bàn.

2.2.2.2. Các kết quả đã đạt đ- ợc

Năm vững tinh thần chỉ đạo và các yêu cầu đối với công tác t- pháp nói chung, với công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động t- pháp của VKS nói riêng, với sự nỗ lực của mỗi đơn vị và mỗi cá nhân Kiểm

sát viên, cán bộ VKSND cấp huyện, công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra của VKSND cấp huyện đã đạt đ- ợc những kết quả tốt.

Xác định đ- ợc tầm quan trọng của từng thao tác nghiệp vụ và mối liên hệ chặt chẽ, đan xen nhau giữa chúng, VKSND cấp huyện đã chú trọng đến tất cả các công tác thực hiện quyền năng: Đã chú trọng đến công tác quản lý và xử lý tin báo tội phạm; tăng c- ờng trách nhiệm và chất l- ợng của công tác kiểm sát ngay từ giai đoạn khởi tố: kiểm sát việc khám nghiệm hiện tr- ờng, kiểm sát bắt giữ, phân loại xử lý...

Trong công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát khởi tố, trách nhiệm của Kiểm sát viên đ- ợc nâng cao.

Đối với các biện pháp ngăn chặn nghiêm khắc nhất: bắt, tạm giữ, tạm giam: với sự cố gắng nỗ lực với tinh thần trách nhiệm cao hơn, vừa thận trọng và bám sát các quy định của pháp luật, cho nên chất l- ợng của hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra của VKS trong việc bắt, giữ, tạm giam và phê chuẩn các biện pháp này đ- ợc nâng lên rõ rệt.

VKSND đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan hữu quan nêu tiến độ giải quyết án đ- ợc đẩy nhanh hơn.

Việc tăng c- ờng trách nhiệm và chất l- ợng của các Kiểm sát viên VKS đã có ảnh h- ưởng trực tiếp đến kết quả của cuộc điều tra: Hầu hết các hồ sơ vụ án không những đảm bảo đúng tiến độ điều tra mà sau khi kết thúc điều tra chuyển đến VKS đều đảm bảo đầy đủ tài liệu, chứng cứ phục vụ cho việc truy tố bị can ra tr- ớc Toà án bằng một bản cáo trạng với những căn cứ vững chắc.

Công tác phối hợp giữa VKS cấp huyện với Cơ quan điều tra đã đ- ợc làm tốt hơn.

Tất cả các tr- ờng hợp Cơ quan điều tra tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra đều đ- ợc VKS theo dõi, quản lý và kiểm sát chặt chẽ cho nên các quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ của Cơ quan điều tra đều đảm bảo có căn cứ.

Công tác kiểm sát việc lập hồ sơ cũng đã đ- ợc quan tâm chú trọng hơn tr- ớc. Chất l- ợng các hồ sơ vụ án hầu hết đều đảm bảo đáp ứng yêu cầu, đ- ợc sắp xếp theo quy định chung, thể hiện tính khoa học, tạo điều kiện

thuận lợi cho việc nghiên cứu, đánh giá các chứng cứ, giúp cho việc thực hiện chức năng của Cơ quan điều tra, VKS và Toà án đ- ợc tốt.

Thông qua hoạt động của mình, VKS đã phát hiện nhiều vi phạm của Cơ quan điều tra, của Điều tra viên và có ý kiến kịp thời.

VKSND cấp huyện đã có những biện pháp chủ động quan tâm đến công tác phòng ngừa tội phạm.

Trong những năm qua, VKS cấp huyện đã đạt đ- ợc những kết quả đáng khích lệ. Nguyên nhân của các kết quả đó có nhiều, song tr- ớc hết phải kể đến các nguyên nhân sau:

Thứ nhất, VKS cấp huyện Hà Nội có một đội ngũ Kiểm sát viên hầu hết trẻ tuổi, đã đ- ợc đào tạo cơ bản, năng động nên có chuyên môn nghiệp vụ tốt, có ý thức chính trị và lập tr- ờng t- t- ờng kiên định, thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh với cán bộ kiểm sát: "Công minh, chính trực, khách quan, thận trọng và khiêm tốn". Đó là yếu tố vô cùng quan trọng cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của VKS.

Thứ hai, nhờ có sự lãnh đạo tập trung thống nhất và khoa học, sự giáo dục có hệ thống, sự quán triệt sâu rộng của lãnh đạo VKSNDTC, tạo nên sự chuyển biến lớn và sâu sắc trong nhận thức và hành động của các cán bộ, Kiểm sát viên toàn ngành kiểm sát về yêu cầu đổi mới công tác kiểm sát trong giai đoạn mới.

Thứ ba, đã xác định và thiết lập đ- ợc mối quan hệ tốt với các cơ quan chức năng trên cơ sở phối hợp thực hiện chức năng nhiệm vụ của từng ngành theo quy định của pháp luật.

Thứ t- , đ- ợc sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Nhà n- ớc, của các cấp ủy Đảng với công tác t- ợc pháp nói chung, với công tác kiểm sát nói riêng.

Thứ năm, thông qua việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình, VKS đã chủ động nắm bắt tình hình, tìm hiểu về nguyên nhân, điều kiện của tội phạm xảy ra trên địa bàn cũng như các vấn đề cần giải quyết.

Thứ sáu, công tác sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm về hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra đ- ợc tiến hành có hiệu quả nên đã đúc rút đ- ợc nhiều kinh nghiệm tốt và không ít bài học bổ ích.

2.3. Những tồn tại, hạn chế của hoạt động thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện và những nguyên nhân của nó

Bên cạnh những kết quả đáng khích lệ nêu trên, trong hoạt động thực hành quyền công tố của VKSND cấp huyện thành phố Hà Nội còn bộc lộ những yếu kém và hạn chế:

Mặc dù công tác quản lý và xử lý tố giác, tin báo tội phạm của VKS trong thời gian qua đã tiến bộ nhiều, song VKS vẫn còn thiếu chủ động trong việc phối hợp với các cơ quan hữu quan nên chưa nắm bắt được triệt để các thông tin về tội phạm, vẫn còn tình trạng tội phạm xảy ra nhưng không được phát hiện để khởi tố hoặc phát hiện nhưng chậm khởi tố.

Vẫn còn tình trạng Kiểm sát viên chưa làm hết trách nhiệm trong việc thực hiện các quyền năng của VKSND, nên đã ảnh hưởng trực tiếp không nhỏ đến chất lượng của công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra.

Trong những năm qua, các VKSND cấp huyện đã trả cho Cơ quan điều tra để yêu cầu điều tra bổ sung 673 vụ, Toà án đã trả cho VKSND 1147 vụ để yêu cầu điều tra bổ sung với các lý do trái nhau hoặc là để bổ sung chứng cứ, tố tụng và các lý do khác. Những con số trên đây nói lên những hạn chế của các Kiểm sát viên.

Sở dĩ cho đến nay, trong công tác thực hành quyền công tố của VKSND cấp huyện còn tồn tại những hạn chế và yếu kém như vậy là do các nguyên nhân sau:

Thứ nhất, không ít cán bộ, Kiểm sát viên VKSND cấp huyện nhận thức chưa thấu đáo về chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm của VKSND trong TTHS. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của không ít cán bộ, Kiểm sát viên còn chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, tinh thần trách nhiệm của một số cán bộ, Kiểm sát viên trong thực thi nhiệm vụ còn chưa cao.

Thứ hai, cơ cấu tổ chức, bộ máy của VKSND còn thiếu sự đồng bộ, thiếu thống nhất và chưa khoa học.

Thứ ba, công tác điều hành, chỉ đạo nghiệp vụ của VKSND cấp trên kể cả từ VKSNDTC không phải lúc nào cũng kịp thời, sâu sát và cụ thể. Chủ yếu chỉ dựa trên các báo cáo của cấp dưới thời là các báo cáo định kỳ, nên

nhiều khi các vấn đề nổi cộm cần có sự chỉ đạo lại không được nắm bắt để chỉ đạo hoặc uốn nắn kịp thời.

Thứ tư, do hệ thống pháp luật thiếu đồng bộ, thiếu toàn diện và còn nhiều sơ hở.

Thứ năm, công tác tổng kết rút kinh nghiệm, tập hợp và kiến nghị các vi phạm hiệu quả còn mang tính chiếu lệ. Chất lượng các kiến nghị, yêu cầu khắc phục chưa cao nên thiếu tính thuyết phục.

Thứ sáu, sự phối hợp giữa VKSND với các cơ quan bảo vệ pháp luật nhất là với Cơ quan điều tra còn thiếu thường xuyên và chặt chẽ. Việc vận dụng chức năng còn máy móc, cục bộ.

Thứ bảy, điều kiện cơ sở vật chất của ngành còn thiếu thốn như việc sử dụng còn lãng phí, chưa thiết thực cho công tác chuyên môn. Bên cạnh đó, chính sách đền ngộ và tiền lương còn chưa thỏa đáng. Đời sống của các cán bộ, Kiểm sát viên còn nhiều khó khăn như chưa được quan tâm tháo gỡ và giải quyết ở tầm vĩ mô cũng là một nguyên nhân khiến nhiều người thiếu an tâm công tác chuyên môn nghiệp vụ, một số bị sa ngã trước những cám dỗ vật chất thậm chí vi phạm pháp luật.

Chương 3

NHỮNG QUAN ĐIỂM, PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP HUYỆN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CẢI CÁCH TỔ PHÁP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1. Những quan điểm cơ bản nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố của viện kiểm sát nhân dân cấp huyện

Đảng và Nhà nước ta luôn luôn đánh giá đúng vai trò của các cơ quan tố tụng nói chung, của VKS nói riêng. Trong mọi giai đoạn cách mạng, cùng với việc đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, Đảng ta luôn chú trọng đến việc đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tố tụng trong đó có VKS.

Với nhận thức về vai trò quan trọng của các cơ quan t- pháp, Đảng ta đã chủ tr- ơng cải cách t- pháp nhằm củng cố và tăng c- ờng hiệu quả hoạt động của nền t- pháp n- óc nhà. Chủ tr- ơng đúng đắn đó thể hiện tại các chỉ thị và nghị quyết khác nhau của Bộ Chính trị liên tục đ- ợc ban hành: Chỉ thị 53-CT/TW ngày 21/3/2000 *về một số công việc cấp bách của các cơ quan t- pháp cần thực hiện trong năm 2000*, Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/10/2002 *về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác t- pháp trong thời gian tới*, Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 *về chiến l- ợc cải cách t- pháp đến năm 2020*.

Nghị quyết 08-NQ/TW đã đ- a ra các quan điểm chỉ đạo để tạo ra những b- ớc chuyển biến mạnh mẽ trong công tác t- pháp:

- Công tác t- pháp phải thực hiện đúng đ- ờng lối, chủ tr- ơng của Đảng, bám sát và phục vụ có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị trong từng giai đoạn, bảo đảm quyền lực nhà n- óc thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà n- óc trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và t- pháp; phát huy dân chủ, tăng c- ờng pháp chế; giữ vững bản chất của Nhà n- óc ta là nhà n- óc pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

- Công tác t- pháp phải ngăn ngừa có hiệu quả và xử lý kịp thời, nghiêm minh các loại tội phạm hình sự,... bảo vệ trật tự, kỷ c- ơng, bảo đảm tôn trọng quyền dân chủ, lợi ích hợp pháp của các tổ chức và công dân.

- Các cơ quan t- pháp phải là lực l- ợng nòng cốt, là chỗ dựa vững chắc của nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, các hành vi vi phạm pháp luật và giải quyết các tranh chấp.

- Xây dựng các cơ quan t- pháp trong sạch, vững mạnh và từng b- ớc hiện đại, góp phần xây dựng và bảo vệ Đảng và Nhà n- óc.

Tiếp tục tiến trình cải cách t- pháp, ngày 02/6/2005 Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 49-NQ/TW *về chiến l- ợc cải cách t- pháp đến năm 2020*. Nghị quyết xác định: Nhiệm vụ cải cách t- pháp đứng tr- ớc nhiều thách thức. Tình hình tội phạm diễn biến phức tạp với tính chất và hậu quả ngày

càng nghiêm trọng, các khiếu kiện hành chính, các tranh chấp...có chiều h- ống gia tăng về số l- ợng và phức tạp, đa dạng hơn. Đòi hỏi của công dân và xã hội đối với các cơ quan t- pháp ngày càng cao; các cơ quan t- pháp phải thật sự là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con ng- ời. Đồng thời phải là công cụ hữu hiệu bảo vệ pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm và vi phạm.

Nghị quyết nhấn mạnh các quan điểm cải cách t- pháp tại Nghị quyết 08-NQ/TW và tiếp tục khẳng định mục tiêu và quyết tâm của Đảng cải cách t- pháp: "Xây dựng nền t- pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng b- ớc hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa".

Mới đây, Hội nghị tổng kết việc thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW và triển khai thực hiện Nghị quyết 49-NQ/TW đ- ợc tổ chức ngày 02/6/2005 đã đánh giá các kết quả đã đạt đ- ợc của 4 năm triển khai thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW, đ- a ra kế hoạch thực hiện Nghị quyết 49-NQ/TW mà theo đó Bộ Công an, Ban cán sự Đảng VKSNDTC, Ban cán sự Đảng Toà án nhân dân tối cao...có kế hoạch thực hiện cải cách tư pháp đến năm 2020 trong ngành. Trong kế hoạch của mình, Ban cán sự Đảng VKSNDTC đã xác định các nhiệm vụ cụ thể của ngành trong lộ trình thực hiện cải cách t- pháp: Nâng cao chất l- ợng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động t- pháp trong lĩnh vực hình sự, tăng c- ờng kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự và những việc khác theo quy định của pháp luật..., kiện toàn tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ trong sạch, vững mạnh..., nghiên cứu thực hiện đề án chuyển VKS thành Viện công tố sau năm 2010.

3.2. Những ph- ơng h- ống nâng cao chất l- ợng thực hành quyền công tố của viện kiểm sát nhân dân cấp huyện đáp ứng yêu cầu cải cách t- pháp

Tác giả luận văn đề xuất những ph- ơng h- ống nâng cao chất l- ợng thực hành quyền công tố của viện kiểm sát nhân dân cấp huyện đáp ứng yêu cầu cải cách t- pháp, bao gồm:

3.2.1. Đổi mới và nâng cao chất lượng của bộ máy tổ chức cán bộ và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện

3.2.2. Quán triệt và nắm vững các đường lối chính sách và yêu cầu đổi mới trong thực hành quyền công tố, nâng cao ý thức chính trị, phẩm chất đạo đức và trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, kiểm sát viên cấp huyện

3.2.3. Nâng cao trách nhiệm và năng lực thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện

3.2.4. Đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, phân định trách nhiệm trong công tác thực hành quyền công tố

3.2.5. Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng cấp huyện

3.2.6. Tăng cường sự phối hợp giữa Viện kiểm sát cấp huyện với các phòng ban, đơn vị khác trong công tác đấu tranh phòng, chống vi phạm và tội phạm

3.2.7. Hoàn thiện hệ thống pháp luật - cơ sở pháp lý của hoạt động thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát và tăng cường công tác giải thích, hướng dẫn luật

3.2.8. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng - nhân tố quyết định sự thành công của công cuộc cải cách t- pháp

3.2.9. Tăng cường cơ sở vật chất và phương tiện làm việc cho Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện và hoàn thiện chế độ chính sách đối với cán bộ, Kiểm sát viên cấp huyện

3.3. Một số kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện

Để nâng cao hiệu quả của công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động t- pháp của VKS cấp huyện, theo tác giả cần phải thực hiện một cách triệt để và đồng bộ các giải pháp nêu trên. Ngoài ra, tác giả có một số kiến nghị cụ thể nh- sau:

Kiến nghị thứ nhất: Kiện toàn tổ chức bộ máy và chú trọng đặc biệt nhân tố con ng- ời

Kiến nghị thứ hai: Xây dựng các văn bản pháp luật để tăng c- ờng mối quan hệ phối hợp giữa VKS với các cơ quan chức năng trong giải quyết án hình sự

KẾT LUẬN

Trong giai đoạn cách mạng mới của đất n- ớc, VKSND đ- ợc giao cho chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động t- pháp. Đây là một nhiệm vụ rất vinh dự nh- ng cũng rất nặng nề mà VKSND đ- ợc Đảng và Nhà n- ớc tin t- ờng giao cho gánh vác. Đến nay, công tác kiểm sát đã đạt đ- ợc những kết quả tốt, góp phần không nhỏ vào sự nghiệp đổi mới của đất n- ớc song cũng vẫn còn những hạn chế tồn tại mà toàn ngành kiểm sát phải xác định để có h- ống phấn đấu khắc phục nhằm đáp ứng đ- ợc yêu cầu nhiệm vụ. Công tác kiểm sát đ- ợc tạo điều kiện thuận lợi nh- ng cũng còn gặp không ít những khó khăn, v- ống mắc trên các ph- ong diện cả về lý luận và thực tiễn. Để góp phần vào việc tháo gỡ những khó khăn đó, tác giả đã cố gắng đi sâu nghiên cứu một số vấn đề lý luận về quyền công tố, thực hành quyền công tố, hoạt động t- pháp, kiểm sát hoạt động t- pháp, khái niệm, đổi t- ợng, nội dung, phạm vi và mối quan hệ giữa các vấn đề đó, phân tích và làm rõ thực hành quyền công tố và kiểm sát tuân theo pháp luật của VKS trong hoạt động t- pháp đồng thời trên cơ sở sử dụng kết hợp các ph- ong pháp nghiên cứu: phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh,... liên quan đến hoạt động thực hành quyền công tố của VKS cấp huyện nói chung và thành phố Hà Nội nói riêng; đánh giá thực trạng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra của VKS cấp huyện, các kết quả đã đạt đ- ợc cần phát huy, các vấn đề thiếu sót, yếu kém tồn tại cũng nh- nguyên nhân của chúng. Trên cơ sở đó đề ra các giải pháp và có một số kiến nghị cần thực hiện nhằm nâng cao chất l- ợng hoạt động thực hành quyền công tố của VKS cấp huyện, đáp ứng với yêu cầu của thực tiễn cải cách t- pháp ở n- ớc ta hiện nay.